TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 84/2020/HSST
Ngày 10 - 7 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh
2. Bà Hoàng Thị Phụng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Lương Duy Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 81/2020/HSST ngày 17 tháng 6 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng H, sinh ngày 26/5/1994 tại C; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn K và bà Nguyễn Thị X; Có vợ là Trần Thị H và 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 08/3/2020; Có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1961; Trú tại: số nhà 87, đường Trần Khánh D, tổ 38, phường B, thành phố T, tỉnh T. (Có mặt)

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Chị Phan Thị Thanh H2, sinh năm 2001; Trú tại: số 60, đường H, phường T, thành phố H, tỉnh T. (Có mặt)

* *Người làm chứng:*

- Bà Trần Thị S, sinh năm 1945; Trú tại: số 60, đường H, phường T, thành phố H, tỉnh T. (Có mặt)

- Ông Trần Đăng H3, sinh năm 1968; Trú tại: thôn A, xã G, huyện G, tỉnh Q. (Vắng mặt)

- Ông Đặng Đức V, sinh năm 1963; Trú tại: số nhà 87, đường Tr, tổ 38, phường B, thành phố T, tỉnh T. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 2/2019 (âm lịch) do phải điều trị bệnh nhưng không có tiền nên Nguyễn Trọng H đã nghĩ đến việc bán thận để lấy tiền chi tiêu cá nhân. H tìm hiểu trên mạng Internet thấy quảng cáo "hiến ghép thận có hậu tạ cao" nên H điện thoại vào số đăng trong quảng cáo và gặp một phụ nữ tên là H4 (không biết địa chỉ và họ tên đầy đủ). Chị H4 nói với H nếu thiện chí bán thận thì ra tỉnh Th để làm thủ tục. H ra tỉnh Th gặp và chị H4 đưa đi lấy máu xét nghiệm ở phòng khám tư nhân (H không nhớ địa chỉ). Khoảng hai tuần sau, chị H4 dẫn H đến gặp một người đàn ông tên L (không biết địa chỉ và họ tên đầy đủ), anh L dẫn H đến gặp ông Trần Đăng H3 có con gái đang cần ghép thận, H và ông H3 cho nhau số điện thoại để liên lạc. Cùng thời điểm này H phải nhập viện điều trị bệnh tại Bệnh viện phong, da liễu tỉnh Th, H nảy sinh ý định lừa người có nhu cầu mua thận để lấy tiền chi tiêu. Khoảng cuối tháng 6/2019, H quen biết chị Phan Thị Thanh H2 là người thường xuyên vào chăm sóc bà nội nằm điều trị cùng phòng, H nói cho chị H2 biết ý định bán thận cho người tên là H và H nhờ chị H2 mua hộ 01 sim điện thoại di động số 0389.225.910 lắp sim vào điện thoại của chị H2. Sau đó H đọc số điện thoại của ông H3 cho chị H2 nhập vào máy rồi hướng dẫn chị H2 gọi điện thoại cho ông H3 nội dung nếu muốn nhanh chóng ghép thận cho con thì nộp10.000.000 đồng cho phòng điều phối và 10.000.000 đồng cho cấp trên. Do không có điều kiện để ghép thận cho con nên ông H3 nói lại nội dung trên với ông Đặng Đức V (là người có nhu cầu ghép thận quen với ông H3). Ông V dùng điện thoại nhắn tin vào số di động 0389.225.910 nội dung "Chú là V chỗ quen biết của ông H3", lúc này H nhớ ra ông H3 có nhắc đến ông V là người rất giàu có cũng đang chờ phẫu thuật gấp nên H có ý định lừa ông V để lấy tiền. H bảo chị H2 gọi điện cho ông V với nội dung như đã gọi cho ông H3 lúc trước nhưng yêu cầu gửi số tiền để lo thủ tục ban đầu là 30.000.000 đồng. Sau khi nghe ông V chuyển điện thoại cho vợ là bà Nguyễn Thị H1, bà H đã đồng ý, H bảo chị H2 nói với bà H chuyển tiền bằng dịch vụ Viettel, người nhận là Phan Thị Thanh H2. Ngày 04/7/2019 bà H đã ra điểm giao dịch Viettel Pay ở phường Tr, thành phố T, tỉnh T chuyển số tiền 30.000.000 đồng. H nhờ chị H2 ra cửa hàng Viettel ở số 109, đường Đ, thành phố H rút số tiền trên mang về cho H. Ngày 05/7/2019, bà H gọi điện lại, H không nghe mà bảo chị H2 nghe điện thoại và nói với bà H phải chuyển thêm 70.000.000 đồng để lo trên hội đồng, bà H đồng ý và chuyển tiếp số tiền 70.000.000 đồng. H bảo chị H2 đã ra cửa hàng Viettel ở số 109, đường Đ, thành

phố H rút số tiền 70.000.000 đồng bà H gửi mang về đưa cho H. H nhận tiền và đưa cho chị H2 500.000 đồng và nói "Cho em 500.000 đồng để đóng học", chị H2 không nhận nhưng H nói "cho em tiền vì em thi đỗ đại học" nên chị H2 đã nhận 500.000 đồng từ H (nhưng sau này chị H2 trả lại H số tiền trên). Sau đó H lấy sim số điện thoại 0389225910 lắp vào điện thoại của H và tiếp tục yêu cầu bà H chuyển tiếp số tiền 130.000.000 đồng để làm thủ tục ghép thận, và nói tiền này sẽ trừ vào tiền viện phí và hẹn vợ chồng bà H ngày 12/7/2019 vào Bệnh viện Trung ương H để H dẫn đi làm thủ tục, bà H không đồng ý chuyển tiền, H nghĩ bà H biết việc bị lừa nên H lấy sim điện thoại số 0389.225.910 vứt đi. Sáng ngày 12/7/2019 vợ chồng bà H đến Bệnh viện Trung ương H và điện thoại cho H vào số 0389.225.910 nhưng không liên lạc được. Số tiền 100.000.000 đồng H chiếm đoạt của bà H đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản cáo trạng số 83/CT-VKSTPTB ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân t hành phố Thái Bình truy tố Nguyễn Trọng H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa , trong phần tranh luận kiểm sát viên luận tội bị cáo giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Nguyễn Trọng H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Trọng H mức án từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Trọng H bồi thường cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền 100.000.000 đồng. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tịch thu 01điện thoại di động Mobistar của Nguyễn Trọng H để phát mại sung Ngân sách nhà nước. Trả lại cho Nguyễn Trọng H 01điện thoại OPPO màu xanh và 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Trọng H; Trả lại cho chị Phan Thị Thanh H2 01điện thoại Sam sung GALAXY J7 PRIME màu vàng đồng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định.

Tại phiên tòa, Nguyễn Trọng H khai và thừa nhận vì muốn có tiền tiêu sài cá nhân bằng thủ đoạt lừa dối bán thận cho người có nhu cầu ghép thận. Trong ngày 04/7/2019 và ngày 05/7/2019, Nguyễn Trọng H đã nói và nhờ chị H2 gọi điện thoại cho bà Nguyễn Thị H1 nội dung lừa dối để bà H tin tưởng gửi qua chị H2 tổng cộng số tiền 100.000.000 đồng H đã chiếm đoạt như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã mô tả, bị cáo không tranh luận gì với luận tội của Kiểm sát viên.

Bị hại bà Nguyễn Thị H1 thừa nhận lời khai của bị cáo và chị H2 trình bày tại phiên tòa phù hợp với diễn biến của vụ án. Do bị cáo tuổi đời còn trẻ, lần đầu phạm tội, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo tạo điều kiện sửa chữa lỗi lầm, sớm hòa nhập cộng đồng.

Về dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 100.000.000 đồng bị chiếm đoạt. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Khi được trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ buộc tội đối với bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và lời khai của những người làm chứng được chứng minh bằng pH yêu cầu dịch vụ chuyển, nạp tiền ngày 04/7/2019 và ngày 05/7/2019 (BL 85-87) và các tài liệu, chứng cứ đã được Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp về thời gian, địa điểm, số tiền bị cáo đã chiếm đoạt. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Để có tiền tiêu sài, Nguyễn Trọng H đã có hành vi gian dối bằng cách đưa thông tin bán thận để chiếm đoạt tài sản. Tin lời của H trong lúc đang có nhu cầu ghép thận cho chồng nên ngày 04/7/2019 và ngày 05/7/2019, bà Nguyễn Thị H1 đã chuyển cho H tổng số tiền là 100.000.000 đồng, H đã chiếm đoạt và tiêu sài cá nhân hết. Bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự với lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm tài sản quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó của Nguyễn Trọng H đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là đúng người, đúng tội. Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định: "*1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiems đoạt tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…..*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a)

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;"

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, làm mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây tâm lý bất an, lo lắng cho quần chúng nhân dân nên cần thiết phải xét xử nghiêm minh, dành cho bị cáo mức hình phạt thỏa đáng mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng với bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo trong trường hợp gây thiệt hại về tài sản, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích và nhận định trên, căn cứ vào tính chất vụ án, đặc điểm về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử lên mức án tù có thời hạn và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và phòng chống tội phạm nói chung.

Đối với chị Phan Thị Thanh H2 là người bị cáo nhờ gọi điện cho ông V và bà H, đồng thời bị cáo nhờ đứng tên nhận, rút tiền do bà H chuyển theo yêu cầu của H. Quá trình điều tra xác định chị H2 tin bị cáo bán thận nên đã điện thoại nói nội dung bị cáo nhờ gọi cho ông H3, ông V, bà H. Chị H2 không biết việc H nhờ để lừa bà H chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng. Nên không có căn cứ xác định chị H2 đồng phạm với bị cáo về tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã chiếm đoạt của bà H số tiền 100.000.000 đồng đã tiêu sài hết không thu hồi được. Tại phiên tòa bị hại giữ nguyên yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt trên, vì vậy cần buộc Nguyễn Trọng H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền 100.000.000 đồng là phù hợp.

[7] Về vật chứng vụ án: Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung GALAXY J7 PRIME của chị Phan Thị Thanh H2, bị cáo nhờ chị H2 mua hộ sim số 0389.225.910 lắp vào điện thoại này để liên lạc, nhưng chị H2 không biết H sử dụng vào mục đích phạm tội, tại phiên tòa chị H2 đề nghị được nhận lại nên trả lại điện thoại Samsung GALAXY J7 PRIME cho chị H2 là phù hợp. Tại phiên tòa bị cáo khai đã sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar làm phương tiện liên lạc khi phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung Ngân sách nhà nước, đối với 01 điện thoại di động OPPO màu xanh, bị cáo khai không sử dụng khi thực hiện tội phạm cùng 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn

Trọng H không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Trọng H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38, Điều 47, khoản 1 Điều 48; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/3/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Trọng H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị H1, trú tại: số nhà 87, đường Trần Khánh Dư, tổ 38, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng vụ án:

- Tịch thu 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar của bị cáo Nguyễn Trọng H để phát mại sung Ngân sách nhà nước. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trọng H 01 điện thoại OPPO màu xanh và 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Trọng H.

- Trả lại cho chị Phan Thị Thanh H2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung GALAXY J7 PRIME màu vàng đồng.

(Vật chứng và tài sản đã chuyển Chi cục Thi hành án dân s ự thành phố Thái Bình quản lý có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/7/2020).

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Trọng H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩmvà 5.000.000 (năm triệu) đồng án phí dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Trọng H, bị hại bà Nguyễn Thị H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Thanh H2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/7/2020.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.Thái Bình;
- CQCSĐT Công an TP. Thái Bình;
- Cơ quan THAHS CATP Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hồng Sơn